TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2024/**HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2024
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hổ**

2- Ông **Phạm Hoàng Kiệt**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang***: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị T**, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Vũ K**, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HB, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: Ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Lê Vũ K tự tìm hiểu, quen biết với nhau, sau khoảng 04 năm tìm hiểu thì hai bên tự nguyện đi đến hôn nhân được sự thống nhất của gia đình có tổ chức lễ cưới cho vợ chồng theo phong tục tập quán ở địa phương vào năm 2021, sau đó vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2022, tại UBND xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian và có 01 đứa con chung tên Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022.

Trong thời gian vợ chồng chung sống, anh K không lo làm ăn mà hay nhậu say về kiếm chuyện chửi bới, hành hung chị và đuổi chị về nhà cha mẹ, không có cho chị ẵm con theo. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh K không thay đổi nên từ đó cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống được với nhau nữa nên yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Vũ K.

Về con chung: Có 01 người con tên Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022, hiện anh K nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận với nhau.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Vũ K.

- Về con chung: Khi vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con là Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022, không yêu cầu anh Lê Vũ K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lê Vũ K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Thị T tự tìm hiểu, quen biết với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng theo yêu cầu của vợ anh thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 người con tên Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022, hiện đang sinh sống cùng với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh thống nhất với chị T là vợ chồng để tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình, anh K vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Vũ K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh K cưới nhau vào năm 2021 đến năm 2022 thì vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

Chị T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh K không lo làm ăn mà hay nhậu say về kiếm chuyện chửi bới, hành hung chị và đuổi chị về nhà cha mẹ, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn. Còn anh K thì không đồng ý vì cho rằng mình còn thương vợ, con và mâu thuẫn giữa vợ chồng là không lớn nên không đồng ý ly hôn, đề nghị chị T về đoàn tụ chung sống.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh K, chính quyền địa phương cho biết không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh K.

HĐXX nhận thấy, về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K phát sinh mặc dù chưa xảy ra tình trạng về bạo hành gia đình hay có người ngoại tình nhưng đã qua nhiều lần hòa giải nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn với anh K, thời gian từ khi vợ chồng sống khi ly thân với nhau đến nay mỗi người sinh sống một nơi nhưng anh K cũng không có hành động gì thể hiện tình cảm, mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ với nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn quan tâm nhau. Tại phiên tòa, HĐXX đã tiếp tục động viên chị T tạo điều kiện cho anh K để vợ chồng đoàn tụ chung sống chăm lo cho con nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh K.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thị T và anh Lê Vũ K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không hạnh phúc.

Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị T đối với anh Lê Vũ K.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Thị T và anh Lê Vũ K có 01 người con chung tên Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022, giới tính nam, hiện đang sinh sống cùng với anh K. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K xác định, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi mà yêu cầu được nuôi con, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đến tại thời điểm giải quyết vụ án cháu Lê Chí K chưa được 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Chí K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Con hiện nay đang sống với anh K nên cần buộc anh K có trách nhiệm giao con là cháu Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022, giới tính nam cho chị Thị T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K thống nhất xác định là để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003052 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thị T được ly hôn với anh Lê Vũ K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022, giới tính nam cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Vũ K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Vũ K có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Con hiện nay đang sống với anh K nên cần buộc anh Lê Vũ K có trách nhiệm giao con là cháu Lê Chí K, sinh ngày 19/11/2022, giới tính nam lại cho chị Thị T nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K thống nhất xác định là để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003052 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/02/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Vĩnh Hòa*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh